

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2019/DS- ST
Ngày 03/9/2019
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Phong

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thu Hồng

Ông Nguyễn Minh Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Lài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ngày 03 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 250/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2019 về việc “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 271/2019/QĐST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:***

Trần Văn K, sinh 1964; *Trú tại:* Ấp Đ, xã ĐT, huyện M, tỉnh Bến Tre. Ông K có văn bản ủy quyền cho ông Nguyễn Văn P, sinh 1976; Trú tại khu phố L, thị trấn MC, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt)

**** Bị đơn:***

Bùi Văn R, sinh 1956; Trần Thị H, sinh 1957;

Cùng trú tại: Ấp A, xã Ph, huyện M, tỉnh Bến Tre. (bà H có văn bản ủy quyền cho ông R có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn K kiện và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông P trình bày:

Vào ngày 03/01/2018 ông K có cho vợ chồng ông R, bà H vay số tiền 95.000.000 đồng, và vào ngày 06/6/2018 ông K cho vợ chồng ông R vay tiếp số tiền 170.000.000 đồng, vay không lãi suất, việc vay tiền có viết biên nhận nợ, mục đích

vay để trả nợ Ngân hàng, phía ông R cam kết khi nào vay được tiền ngân hàng lại sẽ trả số nợ trên, nhưng phía ông R không thực hiện đúng cam kết, ông K đòi nhiều lần nhưng vẫn không trả.

Nay yêu cầu ông R, bà H liên đới trả số tiền vốn gốc 265.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa bị đơn ông Bùi Văn R trình bày: Vào ngày 03/01/2018 vợ chồng tôi có vay của ông K tổng cộng 95.000.000 đồng, mục đích vay một phần trang trải kinh tế trong gia đình, còn một phần là cho đứa cháu mượn lại để trả nợ ngân hàng, khi nào cháu tôi vay lại được sẽ trả cho ông K, lãi suất mỗi một triệu đồng thì đóng 3000 đồng tiền lãi/ngày, nhưng khi nhận tiền xong cháu tôi đã bỏ trốn không trả lại cho tôi, nên vợ chồng tôi không thực hiện đúng cam kết trả lại cho ông K. Đến ngày 06/6/2018 ông K buộc tôi viết giấy giao kèo mượn nợ ông K với số tiền 170.000.000 đồng (số tiền này là tiền vốn gốc trước đây 95.000.000 đồng và tiền lãi 75.000.000 đồng).

Nay ông K yêu cầu vợ chồng tôi chỉ đồng ý liên đới trả 95.000.000 đồng, số tiền còn lại không đồng ý trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**** Về áp dụng pháp luật tố tụng:***

[1] Về quyền K kiện: Ông K cho rằng quyền lợi của ông bị xâm phạm bởi hợp đồng vay tài sản giữa ông với vợ chồng ông R, nên K kiện. Căn cứ khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì ông K có quyền K kiện.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của ông K là tranh chấp hợp đồng dân sự về việc vay tài sản. Căn cứ khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã Phước hiệp, huyện M. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện M thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

**** Về nội dung giải quyết vụ án:***

[1] Tại phiên tòa phía ông R thừa nhận vợ chồng ông có vay tiền của ông K, thừa nhận giấy mượn tiền ngày 03/01/2018 (bút lục 17) có nội dung mượn của ông K 95.000.000 đồng và giấy giao kèo ngày 06/6/2018 (bút lục 16) có nội dung mượn của ông K 170.000.000 đồng là do ông viết và ký tên. Nhưng ông R cho rằng giấy giao kèo ngày 06/6/2018 là tiền lãi 75.000.000 đồng nhập với vốn gốc 95.000.000 đồng của giấy mượn tiền ngày 03/01/2018 nhưng ông không chứng minh được lời nài trên mặc dù ông đã được Tòa án thông báo cung cấp chứng cứ.

Ngoài ra, bản thân ông R cũng thừa nhận việc vay số tiền 95.000.000 đồng với mức lãi suất 3000đồng/1 triệu/ngày, tương đương 8.550.000 đồng/tháng đối với số tiền 95.000.000 đồng, số tiền 95.000.000 đồng ông vay vào ngày 03/01/2018, nếu chưa đóng lãi được ngày nào thì tính đến ngày 06/6/2018 thì số tiền lãi đối với số tiền vay 95.000.000 đồng cũng chỉ tương đương khoảng 43.000.000 đồng. Do đó số tiền vay lần hai 170.000.000 đồng vào ngày 06/6/2018 là tiền vốn của vay lần nhất 95.000.000 đồng và tiền lãi 75.000.000 đồng nhập vốn là hoàn toàn không có căn cứ. Do đó toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, nên được chấp nhận toàn bộ.

[2] ông R, bà H vi phạm nghĩa vụ, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên do thuộc diện người cao tuổi, nên được miễn nộp toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 37 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 2 điều 26; Điểm đ khoản 1 điều 12 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu K kiện của ông Trần Văn K. Buộc ông Bùi Văn R, bà Trần Thị H liên đới trả cho ông Trần Văn K số tiền 265.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của ông K, nếu ông R, bà H chưa thi hành xong các khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Văn R, bà Trần Thị H liên đới chịu phải chịu 13.250.000 đồng nhưng do ông R, bà H thuộc diện người cao tuổi, nên được xem xét miễn nộp toàn bộ. Hoàn trả cho ông Trần Văn K số tiền tạm ứng án phí 6.625.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0003688 ngày 26/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyệnM (2b);
- Chi cục THADS huyệnM(1b);
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thanh Phong

